

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét các đề nghị của Bệnh viện Mắt Huế tại Công văn số 1518/BVMH-CLSKSNK ngày 28 tháng 11 năm 2024 về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của cơ sở Bệnh viện Mắt Huế; Công văn số 1642/BVMH-CLSKSNK ngày 24 tháng 12 năm 2024 về việc bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường cơ sở Bệnh viện Mắt Huế;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 578/TTr-STNMT-MT ngày 25 tháng 12 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Bệnh viện Mắt Huế, địa chỉ văn phòng: khu quy hoạch Võ Dạ 7, phường Võ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Bệnh viện Mắt Huế” với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của Cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Bệnh viện Mắt Huế.

1.2. Địa điểm hoạt động: khu quy hoạch Võ Dạ 7, phường Võ Dạ, thành

phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

1.3. Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh: 0318/SYT-GPHĐ ngày 31/12/2013 của Sở y tế tỉnh Thừa Thiên Huế về việc cấp phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh cho Bệnh viện Mắt Huế

1.4. Mã số thuế: 3300378581

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khám, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Diện tích: 11.227,3m²

- Quy mô: Bệnh viện có quy mô 120 giường bệnh, số giường thực kê là 87 giường bệnh.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Bệnh viện Mắt Huế có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng;

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật;

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường;

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép là 10 năm kể từ ngày ký.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm toàn diện về tính pháp lý, tính chính xác, đầy đủ về hồ sơ, nội dung thẩm định trình UBND tỉnh theo đúng quy định.

2. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Chi cục Bảo vệ môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án, cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Bệnh viện Mắt Huế;
- UBND thành phố Huế;
- UBND phường Võ Dạ;
- Cổng Thông tin điện tử UBND tỉnh;
- VP: LĐ và các CV: TH, DN;
- Lưu VT, CT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phan Quý Phương

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 80 /GPMT-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2024 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 1: phát sinh từ hoạt động khám chữa bệnh.
- Nguồn số 2: phát sinh từ quá trình sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên, bệnh nhân và người nhà bệnh nhân.
- Nguồn số 3: phát sinh từ khu vực căng tin.
- Nguồn số 4: phát sinh từ khu vực giặt sấy.
- Nguồn số 5: phát sinh từ hoạt động vệ sinh tại kho chất thải nguy hại

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

Nước thải phát sinh tại Bệnh viện Mắt Huế được thu gom và đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung và có 01 dòng nước thải xả vào nguồn tiếp nhận.

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: hệ thống thoát nước của khu vực.

2.2. Vị trí xả nước thải: hố ga thoát nước hiện trạng trên đường Xuân Thủy sau đó đầu nối vào hệ thống thoát nước của khu vực.

- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN- 2.000, kinh tuyến trực 107⁰, múi chiếu 3⁰):

$$X (m) = 1.821.979,95; \quad Y (m) = 564.262,94.$$

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 85 m³/ngày (24 giờ);

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Tự chảy và xả ngầm.

2.3.2. Chế độ xả thải: liên tục (24 giờ);

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải, cụ thể như sau:

Stt	Các chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn (QCVN 28:2010/BTNMT Giá trị C _{max} , Cột A, K=1,2)	Tần suất quan trắc	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	6,5-8,5	Không thuộc đối	Không thuộc đối
2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	36		
3	COD	mg/l	60		

Stt	Các chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn (QCVN 28:2010/BTNMT Giá trị C_{max} , Cột A, K=1,2)	Tần suất quan trắc	Quan trắc tự động, liên tục
4	TSS	mg/l	60	tượng quan trắc	tượng phải quan trắc tự động, liên tục
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	1,2		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	6		
7	Nitrat (tính theo N)	mg/l	36		
8	Phosphat (tính theo P)	mg/l	7,2		
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	12		
10	Tổng coliforms	MPN/ 100mL	3000		
11	Salmonella	Vi khuẩn/ 100ml	KPH		
12	Shigella	Vi khuẩn/ 100ml	KPH		
13	Vibrio cholerae	Vi khuẩn/ 100ml	KPH		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và thoát nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

1.1.1. Công trình thu gom nước thải tại cơ sở

- Nước thải từ các bồn xí, bồn tiêu được thu gom bằng đường ống PVC D110m đến bể tự hoại (tại cơ sở có 05 bể tự hoại) sau đó theo đường ống PVC160 dài khoảng 165m đưa đến hệ thống xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý.

- Nước thải sinh hoạt từ hoạt động ăn uống, tắm rửa, vệ sinh được tách rác sơ bộ sau đó theo đường ống PVC1 D40 dài khoảng 20m đưa đến hệ thống xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý.

- Nước thải từ hoạt động khám chữa bệnh từ các khối nhà chuyên môn nghiệp vụ được thu gom vào đường ống PVC D140 đưa đến hệ thống xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý.

- Nước thải từ khu giặt sấy được thu gom vào đường ống PVC D110 sau đó nhập vào đường ống PVC D160 dài khoảng 165m dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý.

- Nước thải từ hoạt động vệ sinh tại kho chất thải nguy hại được thu gom bằng ống nhựa PVC D76 dài khoảng 12m đưa đến hệ thống XLNT tập trung để tiếp tục xử lý.

1.1.2. Mạng lưới thoát nước thải, điểm xả nước thải sau xử lý

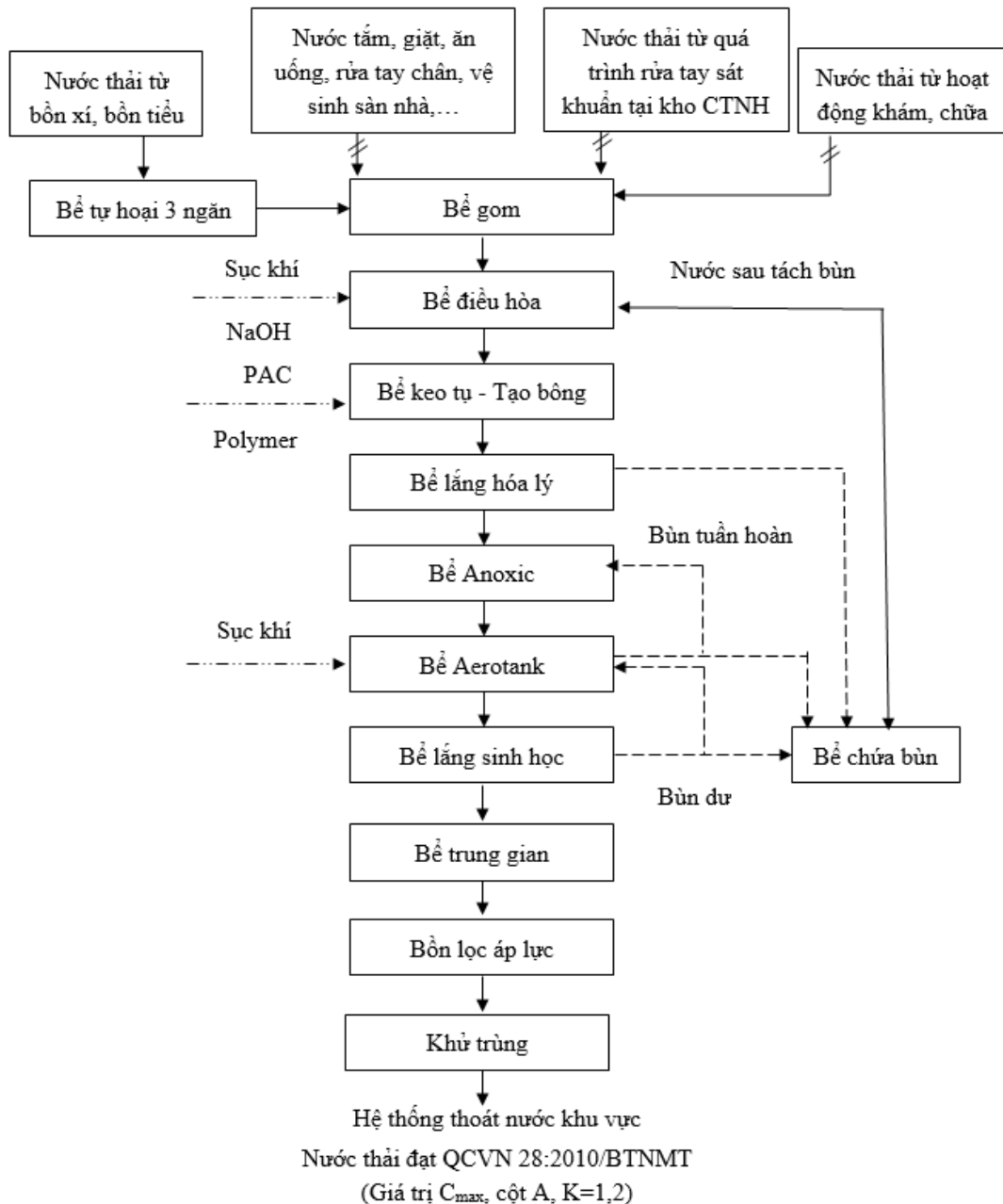
Nước thải sau xử lý theo đường ống PVC D140 dài khoảng 25m được đầu nối vào hệ thống thoát nước của khu vực tại hố ga thoát nước hiện trạng nằm trên đường Xuân Thủy.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Hệ thống xử lý nước thải tập trung:

+ Công suất xử lý: 85 m³/ngày đêm.

+ Sơ đồ quy trình công nghệ xử lý nước thải



Nước thải phát sinh sau xử lý tại Hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt QCVN 28:2010/BTNMT (Giá trị C_{max} , cột A, $K=1,2$; đối với các thông số pH, tổng Coliform, Salmonella, Shigella và Vibrio cholera, $K=1,0$) – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải y tế được đầu nối vào đường ống thu gom nước thải của khu vực nằm trên đường Xuân Thủy.

- Kích thước các bể xử lý:

Stt	Tên công trình	Kích thước (m) (DxRxH)	Thể tích thực (m ³)	Thời gian lưu nước hữu ích (h)
1	Hồ thu gom và tách dầu mỡ	6,5×2,1×2,2	30,03	4,83
2	Bể điều hòa	5,0×4,0×3,2	64	11,25
3	Bể hóa lý	2,0×2,0×3,2	12,8	2,25
4	Bể lắng hóa lý	1,85×1,85×3,2	10,95	1,93
5	Bể Anoxic	3,5×2,5×3,2	28	4,92
6	Bể sinh học hiếu khí	5,0×4,0×3,2	64	11,25
7	Bể lắng sinh học	2,7×2,7×3,2	23,32	4,1
8	Bể chứa trung gian	2,7×2,0×3,2	17,28	3,03
9	Bể chứa bùn	2,7×2,05×3,2	17,71	3,11
10	Bể khử trùng	2,0×2,05×3,2	13,12	2,31

- Danh mục máy móc thiết bị:

Stt	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng
1	Lược rác thô	Loại: Inox, khoảng cách khe 3mm	Cái	1
2	Lược rác tinh	Loại: Inox, khoảng cách khe 3mm	Cái	1
3	Bơm nước thải bể điều hòa	Loại: Bơm chìm Công suất 3,6m ³ /h × 7m × 0,4kW	Cái	2
4	Phao báo mức	Loại: Phao quả đóng mở tiếp điểm	Bộ	3
5	Bộ khuấy trộn keo tụ + tạo bông	Điện năng: 0,75kW	Cái	2
6	Bộ điều khiển pH	Khoảng đo: 0-14	Bộ	1
7	Bơm bùn lắng hóa lý	Loại: Bơm chìm Công suất: 3,6m ³ /h × 6m × 0,4kW	Cái	2
8	Máy khuấy chìm	Q = 3,2m ³ /min	Cái	2
9	Máy thổi khí	Công suất: 4,7m ³ /min	Cái	2
10	Đĩa phân phối khí	Loại: đĩa, bọt khí mịn	Cái	30
11	Bơm nội tuần hoàn	Loại: Bơm chìm Công suất: 3,6m ³ /h × 7m × 0,4kW	Cái	2
12	Bơm bùn lắng sinh học	Loại: Bơm chìm Công suất: 3,6m ³ /h × 7m × 0,4kW	Cái	2
13	Bơm định lượng hóa chất	Lưu lượng: 100lit/h Điện áp: 45W, 1pha/220v/50Hz	Cái	6
14	Máy khuấy bồn hóa chất	Loại: motor giảm tốc	Cái	3

Stt	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng
		Công suất: 0,4Kw, 1pha/220v/50Hz		
15	Bồn hóa chất	Thể tích: 1000l Vật liệu: PVC	Cái	3
16	Bơm lọc, rửa lọc	Loại: Bơm ly tâm trực ngang Công suất: 3,6m ³ /h × 25m × 0,75kW	Cái	3
17	Đồng hồ đo lưu lượng nước	-	Cái	1

- Hóa chất sử dụng cho hệ thống xử lý nước thải:

Stt	Hóa chất sử dụng	Khối lượng (kg/tháng)
1	PAC	7,5
2	Polymer	0,4
3	Mạt ri	21,9
4	Javel	23,5

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải: không quá 06 tháng.

2.2. Giai đoạn vận hành ổn định

Thực hiện quan trắc giai đoạn vận hành ổn định trong kế hoạch vận hành thử nghiệm theo quy định tại Khoản 5, Điều 21, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, cụ thể:

Stt	Vị trí quan trắc	Thông số	Tần suất	Loại mẫu	QCVN so sánh
1	Nước thải đầu vào của Hệ thống xử lý nước thải	Lưu lượng, pH, BOD ₅ , TSS, COD, Sunfua, Amoni, Nitrat, Phosphat, Dầu mỡ động thực vật, Tổng hoạt độ phóng xạ α, Tổng hoạt độ phóng xạ β, Tổng coliforms, Salmonella, Shigella, Vibrio cholerae	01 đợt	Mẫu đơn	QCVN 28:2010/BTNMT– Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải y tế (Giá trị C _{max} , cột A, K= 1,2)
2	Nước thải đầu ra của Hệ thống xử lý nước thải		Ít nhất 03 đợt/03 ngày liên tiếp		

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

Phụ lục 2
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 80 /GPMT-UBND ngày 31 tháng 12
năm 2024 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn 01: Tại khu vực để máy phát điện dự phòng;
- Nguồn 02: Tại khu vực hệ thống xử lý nước thải;
- Nguồn 03: Tại khu vực giặt sấy.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung có tọa độ VN 2.000, kinh tuyến trực 107°, múi chiều 3° như sau:

- Nguồn 01: X (m): 1.822.004,98; Y (m): 564.268,42;
- Nguồn 02: X (m): 1.822.000,58; Y (m): 564.310,24;
- Nguồn 03: X (m): 1.821.988,90; Y (m): 564.322,73;

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

Tiếng ồn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;

Giá trị giới hạn theo QCVN đối với tiếng ồn như sau:

Stt	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Ghi chú	Tần suất quan trắc định kỳ
1	55	45	Khu vực đặc biệt	Theo yêu cầu của Chủ Cơ sở, và giám sát khi có sự cố hoặc yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền

3.2. Độ rung:

Độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

Giá trị giới hạn theo QCVN đối với độ rung như sau:

Stt	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép		Ghi chú	Tần suất quan trắc định kỳ
	Từ 6-21 giờ (dB)	Từ 21-6 giờ (dB)		
1	60	55	Khu vực đặc biệt	Theo yêu cầu của Chủ Cơ sở, và giám sát khi có sự cố hoặc yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Hạn chế sử dụng còi xe và quy định tốc độ xe lưu thông trong khuôn viên Bệnh viện.
- Quy định giờ hoạt động của các phương tiện vận tải trong Bệnh viện.
- Trồng cây xanh tạo vành đai cây xanh xung quanh khuôn viên Bệnh viện.
- Lắp đặt đệm chống rung tại máy phát điện nhằm giảm rung động cũng như tiếng ồn có thể phát sinh.
- Kiểm tra độ mòn của chi tiết định kỳ và thường kỳ cho dầu bôi trơn hoặc thay thế những chi tiết hư hỏng.
- Bố trí hệ thống thông gió có kết hợp các thiết bị tiêu âm phù hợp sử dụng trong hệ thống thông gió, để giảm thiểu âm thanh phát ra từ các máy móc, thiết bị và giảm được ảnh hưởng từ tiếng ồn, độ rung từ các hoạt động bên ngoài.
- Định kỳ tiến hành hiệu chuẩn các máy móc, thiết bị của Bệnh viện.
- Quy định thời gian thăm bệnh cũng như các quy tắc thăm bệnh trong các phòng chuyên khoa của Bệnh viện. Phổ biến quy định thăm bệnh của Bệnh viện đến bệnh nhân và thân nhân.
- Thường xuyên dọn dẹp, chặt cây bụi, vệ sinh sạch sẽ khu vực xử lý nước thải tập trung của Bệnh viện.
- Tại khu vực Hệ thống xử lý nước thải, các máy bơm được lắp đặt ngầm và thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng máy móc thiết bị để hạn chế tiếng ồn phát sinh.
- Đối với tiếng ồn phát sinh tại khu vực giặt là, Bệnh viện dự kiến đầu tư 02 máy giặt công nghiệp mới. Sau khi hoàn thiện các công trình xây dựng, Bệnh

viện sẽ bố trí khu vực kín và lắp thêm cửa cách âm để giảm thiểu tiếng ồn độ rung phát sinh tại khu vực này.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn và độ rung.

Phụ lục 3

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 80 /GPMT-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2024 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

Trong quá trình hoạt động cơ sở phát sinh các loại chất thải nguy hại sau:

Stt	Tên chất thải	Mã CTNH	Tính chất nguy hại	Trạng thái (thể) tồn tại	Khối lượng (kg/năm)
<i>I</i>	<i>Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)</i>	13 01 01	LN	Rắn/lỏng	1.620
<i>II</i>	<i>Chất thải nguy hại không lây nhiễm</i>				
1	Hoá chất thải bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại	13 01 02	Đ, ĐS	Rắn/lỏng	20
2	Dược phẩm gây độc tế bào (cytotoxic và cytostatic) thải	13 01 03	Đ	Rắn/lỏng	5
3	Pin, ắc quy thải	16 01 12	Đ, ĐS, AM	Rắn	80
4	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	Đ, ĐS	Rắn	480
	Tổng cộng				2.205

1.2. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn thông thường phát sinh:

Khối lượng thực tế phát sinh Cơ sở khoảng 30kg/ngày. Chất thải rắn thông thường của Bệnh viện được trình bày cụ thể tại bảng sau:

Stt	Loại chất thải	Mã chất thải	Trạng thái (thể) tồn tại thông thường	Khối lượng (kg/năm)
A	Chất thải rắn thông thường dùng để tái chế	-	-	2.300
<i>I</i>	<i>Chất thải là vật liệu giấy</i>			
1	Giấy, báo, bì, thùng các-tông, vỏ hộp thuốc và các vật liệu giấy	18 01 05	Rắn	450

Stt	Loại chất thải	Mã chất thải	Trạng thái (thể tồn tại thông thường)	Khối lượng (kg/năm)
II	Chất thải là vật liệu nhựa			
1	Các chai nhựa đựng thuốc, hóa chất không thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc không có cảnh báo nguy hại từ nhà sản xuất	18 01 06	Rắn	300
2	Các chai nước giải khát bằng nhựa và các sản phẩm bằng nhựa khác sử dụng trong hoạt động sinh hoạt thường ngày	18 01 06	Rắn	650
3	Các chai dịch truyền nhựa, dây truyền dịch, bơm tiêm nhựa (không bao gồm đầu sắc nhọn), vật liệu nhựa khác	18 01 11	Rắn	400
III	Chất thải là vật liệu kim loại			
1	Các chai, lon nước giải khát và các vật liệu kim loại khác sử dụng trong hoạt động sinh hoạt thường ngày	18 01 08	Rắn	500
B	Chất thải rắn thông thường không sử dụng để tái chế	-	-	10.000
1	Chất thải sinh hoạt phát sinh từ các khoa, phòng, các buồng bệnh không cách ly không có khả năng tái chế	-	-	10.000
2	Chất thải thực phẩm	-	Rắn	1.825
3	Dầu ăn đã qua sử dụng	12 06 11	Lỏng	50
Tổng cộng				14.175

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

- Bố trí khu lưu chứa chất thải nguy hại có diện tích khoảng 20 m² bố trí tại góc phía Nam (gần khu vực hệ thống xử lý nước thải) của Bệnh viện.

- Bố trí 05 thùng chứa chất thải nguy hại (thể tích các thùng là 100 lít/thùng, 120 lít/thùng, 250 lít/thùng).

- Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại được xây dựng đảm bảo theo quy định tại Phụ lục số 03, Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế, cụ thể như sau:

+ Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại có lắp đặt biển cảnh báo; có mái che kết cấu tôn; nền bằng bê tông chống thấm, được nâng lên cao hơn so với địa hình xung quanh và xây gờ xung quanh nên đảm bảo không bị ngập lụt, tránh

được nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào, không bị chảy tràn chất lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ.

+ Trong khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, Bệnh viện đã phân chia khu vực, bố trí thiết bị lưu giữ, dán nhãn phân biệt, mã số chất thải nguy hại, biểu tượng theo quy định, dễ nhận biết đối với chất thải nguy hại lây nhiễm và chất thải nguy hại không lây nhiễm.

+ Bố trí vật liệu hấp thụ bao gồm: 01 xô đựng cát khô và 01 xô đựng mùn cưa khô và 01 xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, đổ tràn chất thải nguy hại ở dạng lỏng.

+ Bố trí 01 bình chữa cháy tại kho chất thải nguy hại nhằm đảm bảo theo quy định của pháp luật về PCCC.

+ Dụng cụ, thiết bị lưu chứa chất thải được vệ sinh sạch sẽ và khử khuẩn thường xuyên.

+ Bố trí vòi nước, dung dịch vệ sinh, khử khuẩn.

- Các biểu tượng trên bao bì, dụng cụ, thiết bị lưu chứa chất thải y tế tuân thủ theo Phụ lục số 02, Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021.

2.2. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Bố trí khu vực lưu giữ chất thải rắn thông thường ở góc phía Tây của Bệnh viện, có kết cấu mái che bằng tôn, sàn bằng bê tông chống thấm.

- Bố trí thùng rác thể tích khoảng 660l để lưu chứa chất thải rắn thông thường.

- Chất thải rắn thông thường sử dụng để tái chế được chuyển giao cho cơ sở phế liệu 1 tuần/lần

- Chất thải rắn thông thường không sử dụng để tái chế được Bệnh viện hợp đồng với Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Huế thu gom, vận chuyển và xử lý theo hợp đồng số 24N/2024/HĐDVNSH ngày 02/01/2024.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Sự cố tai nạn lao động

- Trang bị đầy đủ trang bị bảo hộ lao động cho cán bộ, công nhân viên làm việc tại Bệnh viện.

- Xây dựng, ban hành và yêu cầu cán bộ, công nhân viên thực hiện nghiêm túc các nội quy lao động, nội quy về trang bị bảo hộ lao động.

- Thường xuyên kiểm tra việc chấp hành các nội quy lao động của cán bộ, công nhân viên.

- Thực hiện tốt công tác duy tu, bảo dưỡng các máy móc, thiết bị.

2. Sự cố cháy nổ

- Trang bị các biển báo cấm lửa, các tiêu lệnh chữa cháy và các thiết bị, phương tiện chữa cháy khác theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.
- Thường xuyên kiểm tra các biển báo, biển cấm lửa, nội quy PCCC, phương tiện PCCC.
- Nội quy PCCC, tiêu lệnh chữa cháy, các quy định: được niêm yết tại các khu vực dễ thấy.
- Trang bị hệ thống điện có hệ thống tự động đóng ngắt.
- Bố trí các phương tiện chữa cháy tại chỗ như: bình chữa cháy các loại, hệ thống chữa cháy vách tường,...tại hành lang các khoa trong Bệnh viện.
- Bố trí lối thoát nạn thuận lợi cho việc thoát nạn khi có sự cố cháy nổ xảy ra.
- Yêu cầu cán bộ, công nhân viên thực hiện nghiêm túc các nội quy về PCCC tại Bệnh viện.
- Tổ chức tập huấn cách sử dụng các thiết bị PCCC cho cán bộ, công nhân viên.
- Xây dựng nội quy, quy chế an toàn phòng chống cháy nổ treo nơi dễ nhìn thấy.

3. Sự cố về vệ sinh an toàn thực phẩm và dịch bệnh

- Thực hiện tốt vệ sinh an toàn thực phẩm: bảo quản, chế biến thức ăn hợp vệ sinh.
- Cập nhật các thông tin về các dịch bệnh, bệnh truyền nhiễm có thể lan truyền phát sinh trên địa bàn khu vực để có biện pháp phòng ngừa hiệu quả...
- Thực hiện vệ sinh môi trường: thu gom xử lý rác thải hằng ngày tránh sự phát sinh của ruồi muỗi...

4. Sự cố từ việc hư hỏng thiết bị y tế, thiết bị cấp cứu

Bệnh viện Mắt Huế thường xuyên bảo trì thiết bị và thay thế mới nếu thiết bị cũ có vấn đề hoặc hết hạn sử dụng.

5. Sự cố rò rỉ hoá chất, nhiên liệu

- Tiến hành lập kế hoạch phòng ngừa và ứng phó sự cố.
- Trang bị các thiết bị, dụng cụ, phương tiện ứng phó sự cố.
- Thường xuyên thực hiện kiểm tra, áp dụng các biện pháp an toàn.
- Bên cạnh đó, khi xảy ra sự cố:
 - + Ngay lập tức thực hiện các biện pháp sơ cứu.

- + Báo cáo ngay với người có trách nhiệm.
- + Lập biên bản ghi lại nội dung sự cố, nguồn gốc phát sinh sự cố, những vấn đề nguy hiểm có thể xảy ra.
- + Thực hiện các biện pháp giám sát y tế: xét nghiệm máu hoặc các xét nghiệm khác nếu có chỉ định.
- + Điều tra sự việc, xác định và thực hiện các hành động khắc phục hậu quả để ngăn ngừa các sự cố tương tự xảy ra trong tương lai.
- + Bổ sung các lưu ý về vấn đề an toàn, giám sát y tế nếu cần thiết.
- + Các khu vực bị ô nhiễm phải được làm sạch và khử trùng nếu cần thiết.
- + Hạn chế tối đa sự tiếp xúc của nhân viên trong quá trình làm sạch.
- + Hạn chế tối đa sự tác động của sự cố đến bệnh nhân, cán bộ, công nhân viên khác và môi trường.

6. Sự cố tại hệ thống thu gom, xử lý nước thải

Stt	Sự cố	Cách khắc phục
1	Bùn nổi trên bề mặt của bể lắng	- Xác định sự hiện diện của các vi sinh sinh sợi. DO trong bể sục khí - Tăng tỉ lệ bùn hồi lưu từ bể chứa bùn: tăng tốc độ thu bùn trong bể lắng, tăng DO trong bể sục khí
2	Bùn tích tụ ở dòng chảy trên ở bể lắng	- Giảm sục, giảm khuấy - Tăng DO trong bể sục khí - Tăng lượng bùn hồi lưu và bể dự trữ
3	Dạng màu nâu rất ổn định trên bề mặt sục khí	- Tăng cường thải bùn
4	Bể sục khí chứa đầy bọt trắng	- Giảm thải bùn, tăng hỗn hợp rắn lơ lửng
5	Độ đậm đặc trong bùn hồi lưu rất thấp	- Giảm tỉ lệ bùn hồi lưu - Kiểm tra sự tăng trưởng, phát triển DO, pH
6	Các điểm chết trong bể sục khí	- Kiểm tra DO và tỉ lệ bùn hoạt tính và tăng tốc độ sục khí để đưa DO đến mức 1-3mg/l
7	Sự cố kẹt bơm, mất áp lực – dẫn đến bơm không bơm được	- Chuẩn bị các bơm dự phòng khi các máy bơm không hoạt động được + Tắt hệ thống điện, kiểm tra bơm sau đó đặt lại đúng vị trí cũ + Kiểm tra các đầu Lupe xem có kẹt rác hoặc cặn bùn bám trong lòng ống không. Sau đó tiến hành lắp Lupe đúng với thiết kế ban đầu của nhà sản xuất + Tiến hành kiểm tra máy bơm xem có kẹt rác không,

Stt	Sự cố	Cách khắc phục
		+ Tiến hành môi nước lại máy bơm và cho chạy lại. + Kiểm tra các khớp nối của hệ thống có kín khí không, sau đó môi nước để tạo áp suất cho bơm hoạt động trở lại
8	Sự cố mất bùn tại các bể Aroxic, Aerotank, Bể lắng bùn	- Điều chỉnh van xả nước từ bể điều hoà sang bể khuấy trộn hoá học - Cắt điện cả hai bơm đầu ra, kiểm tra và vệ sinh rác mắc kẹt bên trong sau đó chạy thử; + Cắt điện hệ thống bơm, kiểm tra, vệ sinh rác, môi nước và chạy lại bơm - Cắt điện cả hai bơm đầu ra, kiểm tra và vệ sinh rác mắc kẹt bên trong sau đó chạy thử;

7. Sự cố môi trường do chất thải y tế

- Xây dựng, ban hành các hướng dẫn về phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường do chất thải y tế;

+ Rà soát, nghiên cứu đề xuất xây dựng, sửa đổi, bổ sung văn bản, hướng dẫn liên quan đến phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường do chất thải y tế;

+ Xây dựng hướng dẫn về lập kế hoạch PN&UPSCMT do chất thải y tế;

+ Xây dựng quy trình ứng phó sự cố môi trường cho các loại sự cố chất thải y tế tại Cơ sở;

+ Xây dựng các kịch bản và thực hành diễn tập về quy trình ứng phó sự cố cho các loại sự cố môi trường tại Cơ sở;

+ Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật xử lý môi trường sau sự cố cho một số loại sự cố môi trường điển hình do chất thải y tế;

+ Xây dựng hệ thống quản lý phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường do chất thải y tế;

- Đảm bảo lực lượng, phương tiện, trang thiết bị sẵn sàng ứng phó sự cố môi trường do chất thải y tế:

+ Thành lập Ban chỉ huy PN&UPSC và Đội UPSCMT tại Bệnh viện;

+ Chuẩn bị cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công tác PN&UPSC do chất thải y tế.

Phụ lục 4

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 80 /GPMT-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2024 của UBND tỉnh)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Bệnh viện Mắt Huế chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường. Thực hiện đúng các nội dung cam kết tại Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở.

2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; đảm bảo các khu vực lưu giữ chất thải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu tại Thông tư số 02/2022/TTBTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Nước thải phải được quản lý để giảm khai thác, tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

4. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn vệ sinh thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 3, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường) hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật; thực hiện trách nhiệm mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.